

Bản án số: 01/2021/DSST

Ngày: 17/3/2021

V/v tranh chấp thừa kế

tài sản là QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa: Ông Đào Việt Yên - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2020/TLST – DS ngày 18 tháng 11 năm 2020, " *V/v tranh chấp thừa kế tài sản là QSD đất*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H , sinh năm 1990

ĐKKHKT và chỗ ở: Phố Thiện Tiến, phường Ninh Sơn, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

2. Bị Đơn: Anh Vũ Văn C , sinh năm 1982

HKT và chỗ ở: TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thị xã Phổ Yên

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn L

Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã Phổ Yên

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn L

Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường thị xã Phổ Yên

(Giấy uỷ quyền số 01/GUQ ngày 02/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Phổ Yên)

2. Chị Vũ Thị H1 , sinh năm 1976

ĐKHKT: TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

3. Chị Vũ Thị H2 , sinh năm 1978

ĐKHKT và chỗ ở: Phố Thiện Tiến, phường Ninh Sơn, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Người được chị H2 ủy quyền tham gia tố tụng:

Chị Vũ Thị H3 , sinh năm 1990

ĐKHKT và chỗ ở: Phố Thiện Tiến, phường Ninh Sơn, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

(Hợp đồng ủy quyền lập ngày 09/12/2020)

(Có mặt ông L và các bên đương sự: chị H , chị H anh C)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 18/11/2020, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Bố đẻ chị là ông Vũ Xuân T , (Vũ Văn T) sinh năm 1947 (đã chết năm 2012) Bố chị có hai bà vợ là Vũ Thị P , sinh năm 1948 (đã ly hôn năm 1977); vợ thứ hai bà Nguyễn Thị M , sinh năm 1951 (chết năm 2013).

Bố chị có 4 người con gồm hai người con với bà vợ cả (Vũ Thị P) là chị Vũ Thị H1 , sinh năm 1976; anh Vũ Văn C , sinh năm 1982; hai người con với bà vợ hai (Nguyễn Thị M) là chị Vũ Thị H2 , sinh năm 1978 và Vũ Thị H3, sinh năm 1990. Chị H2 là con nuôi của ông T và bà M từ nhỏ, bố mẹ chị không có con riêng ở đâu khác; bố mẹ của ông T , bà M không còn ai.

Năm 1977 bố chị ly hôn với bà vợ cả Vũ Thị P (khi ly hôn hai người không có tài sản chung). Năm 1978, bố chị kết hôn với bà Nguyễn Thị M được các cụ cho đất ở là tài sản riêng của bố gồm đất thổ cư tại thửa 919, tờ bản đồ 105, diện tích nguyên thửa là 1350m², được UBND huyện Phổ Yên cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 1994 mang tên Vũ Xuân T gồm đất ở và rất nhiều thửa đất canh tác. Năm 2003 bố chị chuyển nhượng hai phần đất cho ông Phạm Quang Thụ và ông Đỗ Văn T g thửa đất 919, tờ bản đồ 105. Diện tích đất thổ cư còn lại trên giấy chứng nhận tại thửa 919 là 520 m², đất ở lâu dài.

Sau khi bố chết (năm 2012) đến năm 2013 các em trai ruột của bố là ông Vũ Văn T , ông Vũ Văn M đứng ra làm thủ tục cho anh em chị cùng đứng tên đồng sở hữu tài sản là đất ở tại thửa 919, tờ bản đồ 105, thuộc xóm Đình, xã Đồng Tiến (nay là TDP Đình, phường Đồng Tiến). Thủ tục hợp gia đình chị và chị gái Vũ Thị H1 không được hợp và không có mặt do đó các chú làm hai giấy chứng nhận QSD đất một do chị Vũ Thị H3 đứng tên với diện tích đất 520m² thửa 919; anh C cũng được cấp giấy chứng nhận diện tích 520 m² thửa đất 919 nói là cùng quản lý đất của bố tôi, còn toàn bộ đất canh tác có tiêu chuẩn của bố chị do ông M và ông T tách chuyển sang cho hai ông sử dụng. Chị xác định văn bản

hợp để cho chị và anh C đứng tên giấy chứng nhận QSD đất là sai và không đúng quy định.

Nay chị khởi kiện nội dung:

1. Đề nghị Tòa án xem xét các Quyết định cá biệt của UBND huyện Phổ Yên (giấy chứng nhận QSD đất mang tên Vũ Thị H3 và anh Vũ Văn C) cùng được cấp giấy trên 01 thửa đất 919, diện tích 520 m² cùng cấp ngày 01/7/2013 - là di sản của bố chị Vũ Xuân T – Vũ Văn T để lại) đề nghị thu hồi cả hai giấy chứng nhận QSD đất nêu trên.

2. Đề nghị chia di sản thừa kế đối với 01 thửa đất ở số 919, tờ bản đồ 105, diện tích hiện nay qua đo đạc bằng máy (Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đo lại năm 2021) là 421,8 m².

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị xác định phần tài sản của mẹ chị bà Nguyễn Thị Mão gồm $\frac{1}{2}$ QSD đất và 1 phần được hưởng thừa kế của ông T (bố chị), chị và các chị gái thống nhất tại biên bản thỏa thuận về di sản thừa kế chia làm 4 phần bằng nhau mỗi người $\frac{1}{4}$ di sản thừa kế. Tuy nhiên, ngày 16/3/2021 chị và chị H2 đã lập văn bản thỏa thuận tặng cho kỷ phần thừa kế QSD đất cho anh C và chị H1 một phần, theo đó các chị em gái chỉ lấy mỗi người 100m², còn lại tặng cho anh C là con trai duy nhất phần diện tích nhiều hơn do anh C phải quản lý khối di sản từ khi bố chị chết đến nay gồm xây bờ rào, công việc thờ cúng, cụ thể chị tặng cho anh C 68,72m², chị Hoa tặng cho anh C 10,9m² và tặng cho chị H1 57,82m² trong kỷ phần thừa kế của ông T và của mẹ chị để lại để anh C được hưởng tổng diện tích đất thừa kế là 121,8m², còn lại mỗi chị em gái được hưởng 100m². Việc chia bằng hiện vật đề nghị ưu tiên cho anh C lấy phần đất có nền nhà cũ (đã cũ hỏng) của bố mẹ chị, chị Hương liền kề đất chia cho anh C, còn lại đất của chị và chị H2 liền nhau để đảm bảo thuận lợi khi tách QSD đất.

Tại bản tự khai tại phiên tòa bị đơn anh Vũ Văn C trình bày:

Về lời trình bày của chị H3 về họ tên của bố Vũ Xuân Tí (Vũ Văn T), chết năm 2012 và có 4 người con là đúng, trong 3 con đẻ và 01 con nuôi chị Vũ Thị H2 là con nuôi từ nhỏ nhưng anh em đều thừa nhận và coi như ruột thịt. Bố anh không có con riêng, bố anh có hai bà vợ, nhưng vợ cả là mẹ anh bà Vũ Thị P. Bố mẹ anh đã ly hôn từ năm 1977 nên không có tài sản. Khi chết bố để lại tài sản là đất ở và đất canh tác, sau khi bố chết anh em gồm có anh và chị H3 cùng cả họ gồm ông Vũ Duy T là chú ruột và bà Vũ Thị T (cô ruột) bà Vũ Thị Sửu (là cô ruột); bà Phạm Thị H - là vợ ông T chứng kiến họp bàn phân chia di sản là thửa đất ở thửa 919, tờ bản đồ 105 thuộc xóm Đình, xã Đồng Tiến (nay là TDP Đình, phường Đồng Tiến) chỉ phân chia cho hai anh em anh là chị H3 và anh Cường được đồng sở hữu, không có mặt họp bàn của chị H1 và chị H2. Cùng năm 2013 anh và chị H3 đều được UBND huyện Phổ Yên cấp giấy chứng nhận QSD đất tại thửa 919, tờ bản đồ 105 diện tích 520 m². Như vậy, cùng một

thừa đất nhưng được UBND huyện cấp cho hai anh em là đồng sở hữu, mục đích để chia đôi tài sản cho con bà cả và con bà hai mỗi bên $\frac{1}{2}$ diện tích đất, khi nào nào làm thủ tục tách diện tích riêng thì cả hai phải mang giấy chứng nhận được cấp mới tách được. Anh được cấp giấy sơ ri BM 172727 ngày 01 tháng 7 năm 2013. Chị H3 được cấp bìa sổ sơ ri như nào anh không biết. Khi UBND xã giao bìa của ai người đó quản lý. Kể từ thời điểm phân chia đến nay chị Huyền có đơn khởi kiện phân chia thừa đất là di sản của bố anh không đồng ý, vì đã được họp bàn phân chia cho anh được $\frac{1}{2}$ thừa đất, chị Huyền được $\frac{1}{2}$ thừa đất nên không đồng ý chia cho chị H1 và H2. Hiện nay thừa đất có nhà cấp 4 đã hư hỏng không sử dụng, cây cối cũng tự mọc, những năm trước anh là người quản lý và thờ cúng từ sau khi bố chết. Chị H3 và các đồng thừa kế đề nghị chia theo quy định anh không đồng ý, Vì anh là con trai duy nhất đề nghị được chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất ở, còn nếu không cứ đề nghị giải quyết theo quy định anh không có ý kiến.

Ý kiến trình bày của người liên quan chị Vũ Thị H1:

Chị xác định lời trình bày của chị H3 là đúng, khi bố chết anh em có họp bàn chia di sản cho anh C phần nhiều hơn nhưng anh C không đồng ý nên văn bản thỏa thuận phân chia di sản do UBND xã Đồng Tiến chứng thực ngày 25/11/2014 không có giá trị đề nghị hủy bỏ. Quan điểm của chị đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị 3, vì thừa đất hiện nay vẫn của bố chị, khi bố chết họp bàn để phân chia đất cấp giấy chứng nhận đồng sở hữu thì chị và chị H2 không được tham gia họp. Vì vậy nay chị H3 đề nghị chia di sản thừa kế cho 4 kỷ phần là các con của bố ông Vũ Xuân Tính chị đồng ý. Chị cũng thống nhất phân chia thừa đất cho anh C nhiều hơn, anh C được là 121,8m², còn lại 3 chị em gái mỗi người hưởng 100m², chị nhất trí việc chị H3 tặng cho chị và anh C kỷ phần thừa kế cũng như diện tích đất của bố để lại để đảm bảo các anh, chị em đều có phần ngang nhau.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2020 chị Vũ thị Hoa trình bày:

Bố chị là ông Vũ Xuân T, (Vũ Văn T) chết năm 2012, khi chết không để lại di chúc. Tài sản do bố để lại là đất ở thửa 919, tờ bản đồ 105, diện tích còn lại sau khi chuyển nhượng là 520m². Sau khi bố chết các chú và cô ruột của chị đã họp bàn thống nhất phân chia di sản thừa kế cả 4 chị em đồng ý cho anh C diện tích đất nhiều hơn vì còn phải thờ cúng các cụ. Chị không biết thừa đất hiện nay cả anh C và chị H3 đều có giấy chứng nhận QSD đất là đồng sở hữu, vì chị không được họp bàn. Nay chị H3 đề nghị chia di sản thừa kế chị đồng ý chỉ di sản của bố và mẹ chị để lại là thửa đất 919, tờ bản đồ 105 thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến cho 4 chị em bằng hiện vật.

Đại diện UBND thị xã Phổ Yên (ông Phạm Tuấn L) trình bày tại bản tự khai.

Ông được ủy quyền tham gia tổ tụng giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự về việc “Chia thừa kế QSD đất” là Di sản thừa kế, Tại văn bản số

231/UBND – TNMT ngày 25/02/2021 của UBND thị xã Phổ Yên có ý kiến như sau:

1. Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất:

- 01 giấy chứng nhận QSD đất mang tên bà Vũ Thị H3, thửa đất 919, tờ bản đồ 105, diện tích 520m² loại đất ở đô thị, số sổ sê ri BM 172726, cấp ngày 30/7/2013 do UBND huyện Phổ Yên cấp. Vị trí thửa đất thuộc xóm Đình, xã Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên (nay là TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên);

- 01 giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Vũ Văn C thửa đất 919, tờ bản đồ 105, diện tích 520m² loại đất ở đô thị, số sổ sê ri BM 172727, cấp ngày 30/7/2013 do UBND huyện Phổ Yên cấp. Vị trí thửa đất thuộc xóm Đình, xã Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên (nay là TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên);

2. Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho bà Huyền và ông Cường như trên là đồng sở hữu quyền sử dụng đất.

3. Năm 2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà H3 và ông C là đồng sở hữu. Đến nay hồ sơ đang thất lạc chưa tìm thấy. Do vậy, chưa có cơ sở để xác định có văn bản họp gia đình hay không. Tuy nhiên, theo quy định của luật đất đai khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện là đồng sở hữu thì phải có mặt của tất cả những người được hưởng di sản thuộc hàng thừa kế thứ nhất (phải có mặt 4 anh, chị em là chị H3, anh C , chị H1, chị H2) và phải được cấp 04 giấy chứng nhận thể hiện nội dung như nhau và ghi đồng sở hữu và sử dụng chung. Khi thực hiện các quyền trên thửa đất đó phải được sự thống nhất, nhất trí của 4 người. Như vậy việc cấp giấy chứng nhận cho chị Huyền và anh Cường là đồng sở hữu mà chị H1, chị H2 không được cấp cùng là đồng sở hữu là chưa bảo đảm quyền của các bên. Do vậy một trong các đồng thừa kế đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật là có cơ sở. Quan điểm của UBND thị xã Phổ Yên nếu đất được cấp giấy chứng nhận là đồng sở hữu thì tất cả các con theo hàng thừa kế thứ nhất đều có quyền sở hữu chung hoặc có quyền đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật, trường hợp này thì UBND thị xã Phổ Yên phải thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho anh Cường, chị Huyền để chia di sản thừa kế theo quy định.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/01/2021, xác định:

Thửa đất số 919, tờ bản đồ số 105 giấy chứng nhận cấp mang tên Chị Vũ Thị H3 và anh Vũ Văn C , diện tích trên giấy chứng nhận là 520m².

Có vị trí:

Phía Bắc giáp thửa 919a

Phía Nam giáp thửa 919b

Phía Đông giáp đường giao thông

Phía Tây giáp ruộng

Về tài sản trên đất: có 01 nhà xây cấp 4 cũ nát không còn mái, đổ nát và không còn giá trị sử dụng; bao quanh thửa đất là tường rào xây gạch chỉ 15,5m dài; bếp xây lợp phô xi măng xuống cấp không còn giá trị sử dụng. Cây cối trên đất một số cây do anh Cường trồng (sầu, xoan, bưởi, một số cây tự mọc).

Biên bản định giá tài sản xác định:

+ Thửa đất số 919, tờ bản đồ 105 là đất ở tại đô thị có giá 5000.000đ/m²;

Đơn giá được áp dụng theo Quyết định số 46/2019/QĐ - UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên, về việc phê duyệt giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020 - 2024, phù hợp với giá giao dịch chuyển nhượng tại địa phương tại thời điểm định giá.

+ Nhà cấp 4 và bếp cũ hỏng không định giá

+ 01 đoạn bờ tường gạch xây, dài 15,5m, có giá 8.525.000đ;

+ 01 cây sầu = 160.000đ; 01 cây xoan = 150.000đ; 01 cây bưởi = 450.000đ

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho VKS và đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.*

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 75, 76, 86 BLTTDS năm 2015 và cũng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại Điều 234 BLTTDS năm 2015;

+ **Ý kiến giải quyết vụ án:** Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 147, 266, 267, 271, 273 và khoản 2 Điều 227, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận Đề nghị chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với thửa đất 919, tờ bản đồ 105, diện tích 520m² của ông Vũ Xuân T để lại, diện tích đó đặc theo hiện trạng thực tế ngày 05/02/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phổ Yên là 421,8m²

2. Xác định chị Vũ Thị H3, anh Vũ Văn C , chị Vũ Thị H1, chị Vũ Thị H2 và bà Nguyễn Thị M là những người được hưởng thừa kế tài sản của ông Vũ Xuân T để lại. Xác định những người được hưởng di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị M để lại là chị Vũ Thị H2 và chị Vũ Thị H1 và Vũ Thị H 3. Ông Vũ Xuân T chết không để lại nghĩa vụ gì nên không xem xét giải quyết.

3. Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho của chị Vũ Thị H3 và chị Vũ Thị H2 về việc phân chia cho các chị mỗi người 100m² đất, số còn lại 121,8m² chia cho anh Vũ Văn C và 100 m² chia cho chị Vũ Thị H1.

4. Về Phân chia tài sản của ông Vũ Xuân Tính :

* Chia cho chị Vũ Thị H3 vị trí đất số 4, theo sơ đồ đo vẽ có diện tích 100m², thửa đất số 919, tờ bản đồ số 105, thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, trị giá đất ở 500.000.000đ. Vị trí thửa đất theo sơ đồ đo vẽ giới hạn các điểm: 8, 9, 10, 11.

* Chia cho anh Vũ Văn C vị trí đất số 1, theo sơ đồ đo vẽ có diện tích 121,8m², thửa đất số 919, tờ bản đồ số 105, thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, trị giá đất ở 609.000.000đ. Vị trí thửa đất theo sơ đồ đo vẽ giới hạn các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 13. Trên phần đất giao cho anh Cường có 01 cây sấu trị giá 160.000đ; 01 nhà cấp 4 và nhà bếp đã cũ nát không còn giá trị sử dụng.

* Chia cho chị Vũ Thị H1 vị trí đất số 2, theo sơ đồ đo vẽ có diện tích 100m², thửa đất số 919, tờ bản đồ số 105, thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, trị giá đất ở 500.000.000đ. Vị trí thửa đất theo sơ đồ đo vẽ giới hạn các điểm: 5, 6, 7, 12, 13.

* Chia cho chị Vũ Thị H2 vị trí đất số 3, theo sơ đồ đo vẽ có diện tích 100m², thửa đất số 919, tờ bản đồ số 105, thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, trị giá đất ở 500.000.000đ. Vị trí thửa đất theo sơ đồ đo vẽ giới hạn các điểm: 7, 8, 11, 12.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với CQNN có thẩm quyền để làm thủ tục tách chia và cấp giấy chứng nhận QSD đất theo diện tích đất là di sản thừa kế được chia theo bản án.

5. Đề nghị Tòa án Kiến nghị UBND thị xã Phổ Yên thu hồi 02 giấy chứng nhận QSD đất số sê ri BM 172726, do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 30/7/2013 mang tên chị Vũ Thị H3 và giấy chứng nhận QSD đất số sê ri BM 172727, do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 30/7/2013 mang tên Vũ Văn C .

6. Chi phí tố tụng: Ghi nhận chị Vũ Thị H3 tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, chi phí định giá và đo đất và trích trả anh Vũ Văn Cường các tài sản khác trên đất có giá trị theo biên bản định giá ngày 27/01/2021,

không yêu cầu anh Vũ Văn C , chị Vũ Thị H1, chị Vũ Thị H2 phải thanh toán trả chị.

7. Về án phí và kháng cáo: Các đồng thừa kế có quyền kháng cáo và phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về sự ủy quyền của đương sự:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Vũ Thị H2, có Hợp đồng ủy quyền cho chị Vũ Thị H3 đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án (hợp đồng ủy quyền được lập tại Văn phòng công chứng Nam Thái ngày 09/12/2020). Việc ủy quyền của đương sự phù hợp theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[1.2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”, chị Vũ Thị H3 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản tại TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định gia đình có hợp bản chia thừa kế lập văn bản thỏa thuận năm 2014 được UBND xã Đồng Tiến thị thực văn bản thỏa thuận giữa các con của ông Tính về cách phân chia, diện tích mỗi người được hưởng. Tuy nhiên, Do anh Cường là một trong các đồng thừa kế không giao nộp giấy chứng nhận QSD đất cấp đồng sở hữu để làm thủ tục tách chia nên chị H3 có đơn khởi kiện đề nghị phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Các bên không thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[1.3] Về thời điểm mở thừa kế:

Ông Vũ Xuân T (Vũ Văn T) chết năm 2012, thời điểm mở thừa kế đối với ông Tính năm 2012;

Bà Nguyễn Thị M (vợ hai ông T) chết năm 2013, thời điểm mở thừa kế của bà M là năm 2013.

[1.4] *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này", tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì "*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản,..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*". Ngày 18 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái

Nguyên thụ lý giải quyết vụ án, do đó, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông T, bà M vẫn còn. Căn cứ quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự thì đảm bảo về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

[2] Về nội dung

[2.1] *Về di sản:* Căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ cho thấy: ông Vũ Xuân Tính có hai bà vợ, bà vợ cả (Vũ Thị P) đã ly hôn từ năm 1977, khi ly hôn ông T và bà P không có tài sản chung (căn cứ giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của ông T, bà P số 09/UBND – XN ngày 21/01/2020 của UBND phường Đồng Tiến). Năm 1978 ông T kết hôn với bà vợ hai là Nguyễn Thị M, ông T đã được các cụ cho tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 919, tờ bản đồ 105 gồm đất ở và đất nông nghiệp khác được UBND huyện Phổ Yên cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 04/6/1994, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00994/QSD Đ/108 mang tên ông Vũ Văn T, diện tích được cấp thửa 919 - đất ở là 1350m². Năm 2003 và 2010 ông T đã chuyển nhượng một phần diện tích thửa 919, nay còn lại 520m² trên giấy chứng nhận QSD đất. Ông T chết năm 2012; bà M chết năm 2013 không để lại di chúc, bố, mẹ đẻ của ông T và bà M cũng đã chết trước hai người. Sau khi ông T chết năm 2013 các con đẻ của ông Tính làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất ở số 919, tờ bản đồ 105 tại xóm Đình, xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên là đồng sở hữu nhưng chỉ có chị Vũ Thị H3 và anh Vũ Văn C được UBND huyện Phổ Yên cấp giấy chứng nhận QSD đất với diện tích của thửa đất 919, tờ bản đồ 105, cụ thể như sau:

- Chị Vũ Thị H3, được cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa đất 919, tờ bản đồ 105, diện tích 520m² loại đất ở đô thị, số sê ri BM 172726, do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 30/7/2013;

- Anh Vũ Văn C được cấp thửa đất 919, tờ bản đồ 105, diện tích 520m² loại đất ở đô thị, số sê ri BM 172727, do UBND huyện Phổ Yên cấp. ngày 30/7/2013;

Năm 2014 các con của ông T : 04 người con (02 người con với bà vợ cả; 02 người con với bà vợ hai) lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với 01 thửa đất ở số 919, tờ bản đồ 105 (căn cứ vào văn bản thỏa thuận do nguyên đơn giao nộp chứng cứ thể hiện văn bản được UBND xã Đồng Tiến chứng thực nội dung thỏa thuận).

Tuy nhiên, việc thỏa thuận đã không thực hiện được do anh C là người quản lý di sản không đồng ý cho các đồng thừa kế tách QSD đất theo văn bản phân chia. HĐXX thấy:

Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa cả chị Huyền, anh Cường, chị Hường, chị Hoa đều xác định thửa đất 919, tờ bản đồ 105, là di sản của bố mẹ, đều thừa nhận cùng là đồng sở hữu khối di sản. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là sự thật khách quan, là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do bố, mẹ chết không để lại di chúc nên

căn cứ Điều 650 BLDS di sản thừa kế sẽ được chia theo pháp luật là thừa đất số 919, tờ bản đồ 105, diện tích thực tế đo là 421,8 m².

[2.2] *Về nguồn gốc tài sản là di sản:* Mặc dù tại quá trình tố tụng nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi liên quan khẳng định thừa đất số 919, tờ bản đồ 105, thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến là tài sản riêng của ông Tính và đề nghị phân chia 4 kỷ phần theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ đối với UBND phường Đồng Tiến xác định, nguồn gốc thừa đất 919 là của các cụ bố mẹ đẻ ông Tính cho khi ông Tính đã kết hôn với bà Nguyễn Thị M, năm 1994 ông Tính kê khai được cấp giấy chứng nhận QSD đất, trên giấy chứng nhận ghi cấp cho ông Vũ Văn Tính, còn bà Mão kết hôn với ông Tính năm 1978, thể hiện trên giấy khai sinh của chị Vũ Thị Hoa (tên bố Vũ Văn T, mẹ Nguyễn Thị M). Như vậy, thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân của ông tính với bà Mão từ năm 1978 nên khi các cụ cho đất là tài sản riêng ông Tính tự nguyện nhập làm tài sản chung với bà Mão thể hiện việc xây nhà và ở trên đất đến khi ông Tính chết. Do đó xác định khối tài sản là thừa đất ở 919, tờ bản đồ 105 tại TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên là tài sản chung của ông T và bà M.

Tại Điều 14, Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: “*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ hoặc chồng tạo ra, thu nhập về nghề nghiệp và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được cho chung*” và “*Khi một bên chết trước, nếu cần chia tài sản chung của vợ chồng thì chia đôi. Phần tài sản của người chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế...*”.

Nay cả ông T và bà M đã chết, các con đẻ của ông T đề nghị phân chia di sản theo pháp luật là có căn cứ.

Căn cứ về nguồn gốc tài sản cũng như thời điểm mở thừa kế thì di sản của ông T năm 2012 gồm ½ thừa đất = 210,9m², bà Mão có ½ tài sản = 210,9m²

[2.3] *Về hàng thừa kế và người thừa kế theo pháp luật:* Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan là các con của ông T có đủ cơ sở xác định: Ông T sinh được 04 người con gồm: hai người con với bà vợ cả là: Vũ Thị H1, Vũ Văn C; hai người con với bà vợ hai: Vũ Thị H2, Vũ Thị H3. Vợ cả ông T đã ly hôn từ năm 1977, vợ hai chết năm 2013. Ông T không có con riêng, bố mẹ đều đã qua đời, chị Vũ Thị H2 là con nuôi của ông T với bà M từ nhỏ nhưng vẫn có mối quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như con đẻ, thể hiện tại giấy khai sinh của chị H2 phần người cha tên Vũ Văn T, người mẹ Nguyễn Thị M. Còn anh Cường mặc dù sinh năm 1982, sau khi ông T và bà Phạm đã ly hôn nhưng sau đó hai người vẫn qua lại và có mối quan hệ tình cảm nên sinh ra anh C, ông T tự đi khai sinh cho anh C thể hiện trên giấy khai sinh do UBND phường Đồng Tiến cung cấp chứng cứ tên bố Vũ Văn T, mẹ Vũ Thị P nên xác định anh C là con của ông T và là người được hưởng di sản thừa kế của ông T.

Như vậy, theo quy định tại Điều 611, 613, 614 khoản 1 Điều 651 BLDS thì:

Hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm có: bà Nguyễn Thị M , chị Vũ Thị H1, anh Vũ Văn C , chị Vũ Thị H2, chị Vũ Thị 3(05 kỹ phần thừa kế);

Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị M gồm có 02 người (02 kỹ phần) là chị Vũ Thị H2, chị Vũ Thị H3.

[2.4] *Về di sản thừa kế*: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận di sản của ông T là thửa đất số 919, tờ bản đồ 105, diện tích được cấp cho ông Tính năm 1994. Do đó xác định di sản thừa kế là thửa đất số 919, tờ bản đồ 105, vị trí thửa đất thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án tiến hành đối với hiện trạng thửa đất và kết quả đo đạc thực tế bằng máy thì diện tích là 421,8 m², là đất ở lâu dài, về diện tích có sự thiếu hụt so với giấy chứng nhận QSD đất được cấp, xong nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có tranh chấp về hiện trạng và sự thiếu hụt. Do vậy xác định diện tích thực tế là di sản thừa kế là 421,8m² vị trí thửa đất thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

[3] Các đương sự thống nhất ông T trước khi chết không để lại nghĩa vụ tài sản nào nên phân di sản thừa kế của ông để lại được chia cho các đồng thừa kế mà không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

[5] *Phân chia di sản*:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế theo pháp luật cũng như văn bản thoả thuận tặng cho kỹ phần thừa kế của chị Huyền và chị Hoa là con đẻ của ông T với bà M , theo quy định tại khoản 2 Điều 651 BLDS năm 2015

“2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

Căn cứ vào diện tích đất ở thửa 919, tờ bản đồ 105 được đo đạc thực tế là 421,8 m², trong đó ½ tài sản của bà Nguyễn Thị Mão. Như vậy:

Thời điểm mở thừa kế để chia di sản của ông T là năm 2012, gồm có 5 kỹ phần thừa kế gồm: bà M , chị H1, anh C , chị H2, chị H3, di sản của ông T là 210,9m² : 5 = mỗi kỹ phần được hưởng là: 42,18m²;

Thời điểm mở thừa kế để chia di sản của bà M để lại năm 2013, gồm: 02 kỹ phần được hưởng là Chị H2, chị H3: (210,9 m + 42,18m): 2 = mỗi kỹ phần được hưởng là 126,54m².

Phần di sản thừa kế chị H2 và chị H3 được hưởng kỹ phần thừa kế của ông T và bà M để lại theo đó, chị H2 được hưởng là: 168,72 m², chị H3 được hưởng = 168,72 m²

Tuy nhiên, căn cứ văn bản thoả thuận tặng cho di sản thừa kế lập ngày 16/3/2021 và đơn đề nghị chia hiện vật và vị trí hiện vật được nhận cũng như tại phiên toà các đồng thừa kế là chị H3, chị H2 (ủy quyền cho chị 3 tham gia tố

tung) nhất trí chia di sản thừa kế làm 4 phần (phần chị H2 và chị H3 được hưởng tặng cho anh C và tặng cho chị H1) di sản thừa kế của mình được hưởng từ ông T và bà bà M vì anh C là con trai duy nhất được hưởng diện tích nhiều hơn và có trách nhiệm thờ cúng, ngoài ra từ khi bố mẹ chết anh Cường là người trông coi, quản lý di sản. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện tặng cho của nguyên đơn và người liên quan cho anh C và chị H1 cụ thể:

* Chị Vũ Thị H3 được hưởng di sản thừa kế là 168,72 m², tặng cho (anh Cường) 68,72m², diện tích đất còn được hưởng = 100m², theo sơ đồ phân chia có vị trí số 4 (ký hiệu số 4 trên sơ đồ). Giá trị đất 100 m² x 5000.000đ/m = 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

* Chị Vũ Thị H2 được hưởng di sản thừa kế là 168,72 m², tặng cho (chị H1 và anh C), cụ thể tặng cho anh Cường **10,9m²**, tặng cho chị Hương **57,82m²**, diện tích còn lại của chị Hoa được hưởng là **100m²**, theo sơ đồ phân chia có vị trí số 3 (ký hiệu số 3 trên sơ đồ). Giá trị đất 100 m² x 5000.000đ/m = 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

* Anh Vũ Văn C được hưởng di sản thừa kế là 42,18 m² + với diện tích đất chị Huyền và chị H2 tặng cho 79,62 m², diện tích anh C được hưởng là: **121,8m²**, theo sơ đồ vị trí số 1 (ký hiệu số 1 trên sơ đồ). Giá trị đất = 609.000.000đ (Sáu trăm linh chín triệu đồng). Trên phần đất giao cho anh Cường có 01 cây sấu; 01 nhà cấp 4 và nhà bếp đã cũ nát không còn giá trị sử dụng.

*Chị Vũ Thị H1 được hưởng di sản thừa kế của ông T là 42,18 m² + diện tích đất chị H2 tặng cho 57,82m² tổng diện tích đất ở chị H1 được hưởng và tặng cho là **100m²**, theo sơ đồ phân chia có vị trí số 2 (ký hiệu số 2 trên sơ đồ). Giá trị đất 100 m² x 5000.000đ/m = 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

[4]. Về tài sản trên đất và công sức duy trì khối di sản: Theo biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản xác định trên đất ở có 01 ngôi nhà cấp 4 không có mái, cũ nát và hết khấu hao không tiến hành định giá vì không còn giá trị sử dụng; 01 đoạn bờ tường xây gạch 15 m; trên đất có 03 cây ăn quả và một số bụi chuối, cây ăn quả khác tự mọc. Quá trình sử dụng anh C g là người quản lý di sản, xây tường rào bao quanh. Tổng giá trị bờ tường gạch xây là 8.525.000đ; 01 cây sấu = 160.000đ; 01 cây xoan = 150.000đ; 01 cây bưởi = 450.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất = 9.285.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay chị H3 là nguyên đơn nhất trí tự nguyện trả toàn bộ số tiền 9.285.000đ nêu trên cho anh C mà không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải hoàn trả cho chị, chị nhất trí khi chia thừa kế đất của ai có tài sản cây trên đất thì người đó được quyền sử dụng.

[2.2] Đối với giấy chứng nhận QSD đất cấp cho anh Vũ văn C và chị Vũ Thị H3 là đồng sở hữu. Do vậy, khi chia di sản thừa kế theo pháp luật kiến nghị với UBND thị xã Phổ Yên thu hồi 02 giấy chứng nhận QSD đất số sê ri BM 172726, do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 30/7/2013 mang tên chị Vũ Thị

Huyện; và giấy chứng nhận QSD đất số sê ri BM 172727, do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 30/7/2013 mang tên Vũ Văn Cường. Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tách QSD đất theo bản án.

[5] *Chi phí tố tụng*: Đối với chi phí xem xét thẩm định; định giá tài sản, và đo đất chi Huyện đã nộp tạm ứng 7000.000đ chi H3 tự nguyện chịu không yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán nên không đặt ra việc giải quyết.

[6] *Về án phí*:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của các đương sự phải chịu án phí trên phần giá trị tài sản được hưởng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Chi H3 phải chịu án phí có giá ngạch phần tài sản được hưởng đất ở giá trị 500.000.000đ (20.000. 000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng) nên án phí phải nộp là: **24.000.000đ** (hai mươi bốn triệu đồng). Chi H3 được đối trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 5000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0005009 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên). Chi H3 còn phải nộp tiếp **19.000.000đ** (mười chín triệu đồng);

- Chi H2 phải chịu án phí có giá ngạch phần tài sản được hưởng đất ở giá trị (20.000.000đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng) nên án phí phải nộp là: **24.000.000đ** (hai mươi bốn triệu đồng).

- Chi H1 phải chịu án phí có giá ngạch phần tài sản được hưởng đất ở giá trị (20.000. 000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng) nên án phí phải nộp là: **24.000.000đ** (hai mươi bốn triệu đồng) .

- Anh C phải chịu án phí có giá ngạch phần tài sản được hưởng có giá trị 609.000.000đ + 9285.000đ = 618.285.000đ (20.000. 000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng), án phí phải nộp là: **28.731.000đ** (Hai mươi tám triệu bảy trăm ba mươi một ngàn đồng).

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, 267, 271, Điều 273, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H3 đối với anh Vũ Văn C , về việc chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất của ông Vũ Xuân T (Vũ Văn T) và bà Nguyễn Thị M để lại theo pháp luật.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Vũ Xuân T (Vũ Văn T) và bà Nguyễn Thị M là QSD đất tại thửa 919, tờ bản đồ số 105, diện tích thực tế là 421,8 m²

Các đương sự đều thừa nhận ông T , bà M chết không để lại nghĩa vụ gì nên Tòa án không xem xét.

3. Xác định những người được hưởng di sản thừa kế của ông Tính để lại gồm: bà Nguyễn Thị M , chị Vũ Thị H1, anh Vũ Văn C , chị Vũ Thị H3, chị Vũ Thị H2 = 5 kỷ phần;

Xác định những người được hưởng di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị M để lại là: chị Vũ Thị H2, chị Vũ Thị H3 = 02 kỷ phần thừa kế.

4. Công nhận việc tặng cho một phần di sản thừa kế của chị Vũ Th3 và chị Vũ Thị H2 cho anh Vũ Văn C và chị Vũ Thị H1.

5. Phân chia di sản:

* Chị Vũ Thị H3 được hưởng di sản thừa kế là 168,72 m² (gồm di sản của ông Tính và bà M) chị H3 tặng cho (anh C) 68,72m² , diện tích đất còn được hưởng = **100m²**, thửa đất số 919, tờ bản đồ số 105, thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, theo sơ đồ phân chia có vị trí số 4 (kỷ hiệu số 4 trên sơ đồ). Giá trị đất 100 m² x 5.000.000đ/m² = 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Vị trí thửa đất theo sơ đồ đo vẽ giới hạn các điểm: 8, 9, 10, 11.

* Anh Vũ Văn C được hưởng di sản thừa kế của ông Tính là 42,18 m² + diện tích đất chị H3 tặng cho 68,72m² và diện tích chị H2 tặng cho **10,9m²**, tổng diện tích đất anh C được hưởng và được tặng cho là: **121,8m²**, thửa đất số 919, tờ bản đồ số 105, thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, theo sơ đồ vị trí số 1 (kỷ hiệu số 1 trên sơ đồ). Giá trị đất = 609.000.000đ (Sáu trăm linh chín triệu đồng). Vị trí thửa đất theo sơ đồ đo vẽ giới hạn các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 13.

Trên phần đất giao cho anh C có 01 cây sấu trị giá 160.000đ; 01 nhà cấp 4 và nhà bếp đã cũ nát không còn giá trị sử dụng.

*Chị Vũ Thị H1 được hưởng di sản thừa kế của ông T là 42,18 m² + diện tích đất chị H2 tặng cho 57,82m², tổng diện tích đất ở chị H1 được hưởng và

được tặng cho là **100m²**, thửa đất số 919, tờ bản đồ số 105, thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, trị giá đất ở 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Vị trí thửa đất theo sơ đồ đo vẽ giới hạn các điểm: 5, 6, 7, 12, 13.

* Chị Vũ Thị H2 được hưởng di sản thừa kế của ông T và bà M là 168,72 m², cụ thể tặng cho anh C **10,9m²**, tặng cho chị H1 **57,82m²**, diện tích đất còn lại chị H2 được hưởng **=100m²**, thửa đất số 919, tờ bản đồ số 105, thuộc TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, theo sơ đồ phân chia có vị trí số 3 (ký hiệu số 3 trên sơ đồ). Giá trị đất 100 m² x 5.000.000đ/m² = 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Vị trí thửa đất theo sơ đồ đo vẽ giới hạn các điểm: 7, 8, 11, 12.

(Có sơ đồ tách chia thừa theo trích đo do Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phổ Yên thực hiện kèm theo bản án)

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với CQNN có thẩm quyền để làm thủ tục tách chia và cấp giấy chứng nhận QSD đất theo diện tích đất là di sản thừa kế được chia theo bản án.

6 Về công sức duy trì, quản lý di sản:

Ghi nhận chị Vũ Thị H3 tự nguyện trích trả cho anh Vũ Văn C **9.285.000đ** (*Bằng chữ: chín triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) công sức do anh Cường xây tường rào và trồng cây trên thửa đất là di sản thừa kế.

Anh Vũ Văn C được sở hữu, sử dụng số tiền **9.285.000đ** (*Chín triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) do chị Huyền trích trả công sức duy trì quản lý di sản thừa kế.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Kiến nghị UBND thị xã Phổ Yên thu hồi 02 giấy chứng nhận QSD đất số sê ri BM 172726, do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 30/7/2013 mang tên chị Vũ Thị H3 đối với thửa đất 919, tờ bản đồ 105; và giấy chứng nhận QSD đất số sê ri BM 172727, do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 30/7/2013 mang tên Vũ Văn C đối với thửa đất 919, tờ bản đồ 105, xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên.

7. Chi phí tố tụng: Ghi nhận chị Vũ Thị H3 tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, chi phí định giá và đo đất số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), không yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán trả chị. Chị H3 đã nộp và chi phí xong.

8. Về án phí:

- Chị Huyền phải chịu án phí có giá ngạch phần tài sản được hưởng đất ở giá trị 500.000.000đ, án phí phải nộp là: **24.000.000đ** (hai mươi bốn triệu đồng). Chị H3 được đối trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 5000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0005009 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên). Chị H3 còn phải nộp tiếp 19.000.000đ (mười chín triệu đồng);

- Chị H2 phải chịu án phí có giá ngạch phần tài sản được hưởng đất ở giá trị đất 500.000.000đ, nên án phí phải nộp là: **24.000.000đ** (hai mươi bốn triệu đồng).

- Chị H1 phải chịu án phí có giá ngạch phần tài sản được hưởng đất ở giá trị 500.000.000đ, nên án phí phải nộp là: **24.000.000đ** (hai mươi bốn triệu đồng).

- Anh C phải chịu án phí có giá ngạch tổng phần tài sản được hưởng có giá trị: 618.285.000đ, án phí phải nộp là: **28.731.000đ** (Hai mươi tám triệu bảy trăm ba mươi mốt ngàn đồng).

9. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự. Báo cho biết, những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND phường Đồng Tiến. T X PY, TN;
- UBND thị xã Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Thu Hà

